

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13-12-2023.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Biên.
2. Ông Tống Đức Như.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D - Sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Đức T - Sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 8 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Đức T tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 10/02/2014, tại UBND xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn; tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn; vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cũng như sự đồng cảm, chia sẻ thực sự. Hiện tại, tuy anh chị vẫn sống chung một nhà, nhưng không ai quan tâm đến ai, không ai quan tâm chăm sóc gia đình chung. Nguyên nhân chủ yếu là do tính

cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp. Chị đã nhiều lần nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Bùi Cát Tường V, sinh ngày 27/11/2018. Bản thân chị đang làm công việc kinh doanh dược phẩm, mỹ phẩm, trang sức, đá phong thủy tại nhà; có thời gian và thu nhập ổn định, bảo đảm việc nuôi con. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu V cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng; thời gian cấp dưỡng kể từ khi Tòa án giải quyết vụ án, cho đến khi cháu V thành niên.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là anh Bùi Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn, anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị D. Trong cuộc sống gia đình đôi khi vợ chồng có sự bất đồng về quan điểm sống. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh mong muốn vợ chồng được đoàn tụ, tiếp tục chung sống với nhau. Trường hợp chị D cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của chị D theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung là cháu Bùi Cát Tường V, sinh ngày 27/11/2018. Bản thân anh làm việc tại Chi nhánh thủy lợi Hà Trung, thuộc Công ty TNHH một thành viên Bắc Sông Mã (trước đây là Xí nghiệp Thủy nông huyện Hà Trung) từ năm 1998 đến nay, có thu nhập hàng tháng ổn định, có nơi cư trú rõ ràng. Ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giao cháu V cho anh trực tiếp nuôi dưỡng; anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại thôn Nội Thượng, xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa nơi anh Bùi Đức T, chị Nguyễn Thị D cư trú:

Hiện nay, vợ chồng anh T, chị D cư trú tại thôn Nội Thượng, xã Hà Bình, huyện Hà Trung; Vào năm 2014, anh chị tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng một thời gian sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng tuy ở chung một nhà nhưng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân cụ thể như thế nào thì thôn không rõ, vì anh, chị không đề nghị thôn tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nên thôn không can thiệp được.

Anh T, chị D có 01 con chung là cháu Bùi Cát Tường V, sinh ngày 27/11/2018. Hiện nay cháu V đang ở với anh chị tại thôn Nội Thượng, xã Hà Bình, huyện Hà Trung. Điều kiện sinh sống của cháu ổn định bình thường, không bị ai hành hạ, ngược đãi gì. Anh T, chị D đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có công ăn việc làm, thu nhập ổn định bảo đảm việc nuôi con. Do đặc thù công việc, anh T hay phải đi làm nhiệm vụ do cơ quan phân công, giờ giấc thất thường, không

có nhiều thời gian chăm sóc con cái; chị D kinh doanh và bán hàng ở nhà, cháu V lại là cháu gái nên điều kiện nuôi con của chị D là ổn định và thuận lợi hơn.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại Công đoàn - Chi nhánh thủy lợi Hà Trung, thuộc Công ty TNHH một thành viên Bắc Sông Mã nơi anh Bùi Đức T làm việc:

Anh T vào làm việc tại Chi nhánh thủy lợi Hà Trung, thuộc Công ty TNHH một thành viên Bắc Sông Mã (trước đây là Xí nghiệp Thủy nông huyện Hà Trung) từ năm 1998; và là đoàn viên của tổ chức Công đoàn đơn vị từ đó cho đến nay.

Anh T tự nguyện kết hôn với chị D và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Hiện nay anh chị cư trú tại thôn Nội Thượng, xã Hà Bình, huyện Hà Trung. Thời gian gần đây Công đoàn cơ sở cũng nắm được thông tin vợ chồng anh T, chị D xảy ra mâu thuẫn, xung đột và Tòa án nhân dân huyện Hà Trung đang thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình của anh chị theo đơn khởi kiện của chị D. Công đoàn cũng nhiều lần gợi ý để tham gia hòa giải mâu thuẫn vợ chồng cho anh T, chị D, nhưng anh T không chia sẻ và cũng không có đề xuất gì với Công đoàn nên Công đoàn không thể can thiệp vào việc gia đình của anh T được.

Vợ chồng anh T, chị D có 01 con chung là cháu Bùi Cát Tường V, sinh ngày 27/11/2018. Hiện nay cháu V đang ở với anh chị tại thôn Nội Thượng, xã Hà Bình, huyện Hà Trung. Điều kiện sinh sống của cháu ổn định bình thường, không bị ai hành hạ, ngược đãi gì. Anh T, chị D đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có công ăn việc làm, thu nhập ổn định bảo đảm việc nuôi con.

Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện; anh T vẫn giữ nguyên toàn bộ quan điểm ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án, thông báo thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử; việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 195, 196, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 51, 63 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 227 và 334 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, xử cho chị D được ly hôn anh Bùi Đức T.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Cát Tường V cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Buộc chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa các đương sự có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn và cùng cư trú tại huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án nhân dân huyện Hà Trung căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Đức T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2014 tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị D nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp. Thực tế, vợ chồng anh chị tuy đang ở chung một nhà, nhưng sống trong tình trạng ly thân, không ai quan tâm đến ai; chị D nhiều lần nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Lời khai của chị D phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của vợ chồng chị D, anh T; và nơi làm việc của anh T về tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ lần 2 theo thông báo đề Tòa án tiến hành hòa giải.

[2.2] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị D, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa của các đương sự; căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của vợ chồng chị D, anh T; và nơi làm việc của anh T; căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống. Yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ, với lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trên, xử cho chị D được ly hôn anh T.

[3] Về con chung:

[3.1] Chị D và anh T có 01 con chung là cháu Bùi Cát Tường V, sinh ngày 27/11/2018. Xét nguyện vọng của chị D, anh T về việc nuôi con chung là chính đáng, phù hợp với tình cảm và trách nhiệm của cha mẹ dành cho con cái. Tuy nhiên, căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế của các đương sự, việc giao cháu V cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và bảo đảm quyền lợi cho cháu hơn nên chấp nhận yêu cầu của chị D.

[3.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật, điều kiện kinh tế - xã hội ở địa phương, thu nhập của đương sự ở thời điểm hiện tại và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, chấp nhận yêu cầu của chị D, buộc anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng; thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2023, cho đến khi cháu V thành niên.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị D, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83; khoản 1 Điều 88; khoản 1 Điều 107; Điều 110; khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Bùi Đức T.

2. Về con chung: Công nhận cháu Bùi Cát Tường V, sinh ngày 27/11/2018 là con chung của chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Đức T. Giao cháu V cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng; thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2023, cho đến khi cháu V thành niên; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn); trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai thu số: 0004579 ngày 14/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Chị D đã nộp đủ án phí.

Anh Bùi Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND H.Hà Trung;
- Chi cục THADS H.Hà Trung;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lê Tiến Thịnh